

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

*“Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Bích Ngọc

2. Bà Lê Thị Bé Tám

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số: 124/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Số 105, ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1988, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Văn C tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/01/2013. Sau khi kết hôn

cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn C.

Về con chung: Có 02 người con tên Dương Gia H, sinh ngày 15/6/2014 và Dương Gia L, sinh ngày 27/7/2016, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu H, L và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn C, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và niêm yết công khai các văn bản tố tụng khác. Nhưng tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần khắc phục thời hạn xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ D và buộc ông Dương Văn C ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ D; Giao 02 người con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 15/6/2014 và Dương Gia L, sinh ngày 27/7/2016 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu xem xét nên miễn xét. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng đến nay ông Dương Văn C vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Dương Văn C có nơi cư trú tại: Ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bà Bùi Thị Mỹ D và ông Dương Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Ngày 21/01/2013 bà D, ông C đã được Ủy ban nhân dân xã D cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01/2013. Do đó, hôn nhân của bà D và ông C đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà D và ông C là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, bà D xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân hơn 01 năm nay, chứng tỏ hôn nhân của bà D, ông C không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà D và ông C, tại biên bản xác minh thể hiện vợ chồng ông bà có mâu thuẫn với nhau và đã sống ly thân 01 năm, tại phiên tòa bà D cương quyết ly hôn với ông C. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà D xin được ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Giữa bà D và ông C chung sống với nhau có 02 người con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 15/6/2014 và Dương Gia L, sinh ngày 27/7/2016. Xét yêu cầu của bà D xin được nuôi dưỡng hai con là có cơ sở chấp nhận. Bởi đây cũng là ý kiến của cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ nếu như cha mẹ ly hôn, do hiện nay cháu đang ở với mẹ, hơn nữa công việc của ông C là tài xế nên thường xuyên vắng nhà sẽ không thuận tiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H và L cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Dương Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà D yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mỹ D

Về hôn nhân: Buộc ông Dương Văn C ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ D.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 15/6/2014 và Dương Gia L, sinh ngày 27/7/2016 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây cũng là nguyện vọng của cháu H xin được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Dương Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm non, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà D phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0000037 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Mai